

Bản án số: 20/2020/KDTM - ST

Ngày: 16 - 4 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa:
Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/KTST ngày 11 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST - DS ngày 17/3/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty CP SX TM A.

Địa chỉ: 01 đường C, phường E, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân Nhiệm, sinh năm 1980, theo giấy ủy quyền số 01/2019/SMC-GUQ ngày 19 tháng 6 năm 2019.

2. *Bị đơn:* Công ty CP XD B.

Địa chỉ: 02 đường G, phường H, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn An D, sinh năm 1993, theo giấy ủy quyền số 30/2019/GUQ ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Địa chỉ: 02 đường G, phường H, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 của công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Sài Gòn, bản tự khai và biên bản hòa giải của ông Hà Xuân Nhiệm - đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2017 Công ty CP SX TM A (gọi tắt là công ty A) có ký hợp đồng kinh tế số 012009/SMC/HĐBT-17 với Công ty CP XD B (gọi tắt là công ty B) với nội dung:

Công ty A cung cấp bê tông trộn sẵn cho công ty B đến công trình W C – 03 đường V, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thời gian cung cấp từ ngày 07/10/2017 đến ngày 23/7/2018;

Thời hạn thanh toán: 100% giá trị trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tổng hợp khối lượng.

Sau đó công ty B tổng kết khối lượng công trình vào ngày 31/7/2018, thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 31/8/2019. Tổng số tiền mà Công ty B phải thanh toán cho công ty A theo hợp đồng là 19.809.743.500đ.

Thực hiện hợp đồng, công ty B đã thanh toán cho công ty A số tiền 14.456.837.500đ. Số tiền còn phải thanh toán là 5.352.906.000đ.

Ngày 09/5/2019 công ty B có văn bản gửi công ty A xác nhận còn nợ công ty A số tiền 5.352.906.000đ và đề xuất kế hoạch trả nợ như sau:

Ngày 30/5/2019 thanh toán 300.000.000đ;

Ngày 15/6/2019 thanh toán 300.000.000đ;

Ngày 30/6/2019 thanh toán 300.000.000đ;

Từ tháng 7 trở đi mỗi tháng thanh toán 01 tỉ đồng (sẽ chuyển khoản vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, mỗi đợt 500.000.000đ).

Quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, ngày 15/11/2019 và ngày 20/01/2020 công ty B thanh toán cho công ty A 700.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay công ty B vẫn không thanh toán cho công ty A như đã cam kết. Nay công ty A yêu cầu công ty B phải thanh toán số tiền còn thiếu gồm: Tiền gốc 4.652.906.000đ, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 17/3/2020 là 1.095.632.619đ, tổng cộng 5.748.538.619đ.

Đại diện ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn An D trình bày:

Ngày 20/9/2017 công ty A có ký hợp kinh tế số 012009/SMC/HĐBT-17 với công ty B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty B còn nợ công ty A số tiền 5.352.906.000đ như nguyên đơn trình bày, nhưng do công ty B đang gặp khó khăn, nên ông đề nghị công ty A cho công ty B thanh toán với phương thức như sau:

Ngày 15/11/2019 công ty B sẽ trả trước số tiền 500.000.000đ, số tiền còn lại ban giám đốc sẽ họp và có phương thức trả cụ thể và sẽ báo cho công ty A biết sau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên Tòa hôm nay.

Ông Nguyễn An D – đại diện ủy quyền cho bị đơn vắng mặt.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Hà Xuân N trình bày:

Căn cứ Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 012009/SMC/HĐBT – 17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B quy định: “ Công ty B có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho công ty A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tổng hợp khối lượng, nếu công ty B chậm thanh toán thì sẽ phải thanh toán thêm cho công ty A khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng theo tài khoản của công ty A trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không quá 7 ngày”.

Do ngày tổng hợp khối lượng sau cùng là ngày 23/7/2018. Ngày xuất hóa đơn sau cùng là ngày 31/7/2018. Thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 15/9/2018. Việc thỏa thuận khoản phạt chậm trả nếu công ty B không thanh toán có thể hiểu là phạt vi phạm hợp đồng. Hơn nữa, thỏa thuận này chỉ áp dụng trong 7 ngày kể từ ngày chậm trả. Do đó, kể từ ngày 23/9/2018 coi như không có thỏa thuận phạt chậm trả.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại quy định: Công ty A có quyền yêu cầu công ty B phải trả lãi trên số tiền chậm trả, kể từ thời điểm công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đến khi công ty B trả hết nợ, nhưng công ty A không có thông tin về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, nên công ty A căn cứ vào lãi suất quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là $9\%/năm \times 150\% = 13.5\%$ để yêu cầu công ty B thanh toán số tiền lãi mà công ty B đã vi phạm, được tính từ ngày 24/9/2018 trên số tiền nợ gốc tại thời điểm vi phạm là 6.452.906.000đ.

Số tiền công ty B thanh toán từng đợt, trên số tiền nợ gốc là 6.452.906.000đ kể từ ngày công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày 24/9/2018 như sau:

Từ ngày 24/9/2018 đến ngày 26/11/2018 không thanh toán

Ngày 27/11/2018 thanh toán 200.000.000đ, số tiền còn lại 6.252.906.000đ

Ngày 15/01/2019 thanh toán 200.000.000đ, số tiền còn lại 6.052.906.000đ

Ngày 30/01/2019 thanh toán 400.000.000đ, số tiền còn lại 5.652.906.000đ

Ngày 01/4/2019 thanh toán 100.000.000đ, số tiền còn lại 5.552.906.000đ

Ngày 02/4/2019 thanh toán 200.000.000đ, số tiền còn lại 5.352.906.000đ

Ngày 15/11/2019 thanh toán 500.000.000đ, số tiền còn lại 4.852.906.000đ

Ngày 20/01/2020 thanh toán 200.000.000đ, số tiền còn lại 4.652.906.000đ

Tiền lãi chậm trả được tính giảm dần qua các đợt thanh toán tạm tính đến ngày 16/4/2020 như sau:

$6.452.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 64 \text{ ngày} = 152.748.241đ$

$6.252.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 49 \text{ ngày} = 113.323.214đ$

$6.052.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 15 \text{ ngày} = 33.581.191đ$

$5.652.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 61 \text{ ngày} = 127.538.852đ$

$5.552.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 01 \text{ ngày} = 2.053.815đ$

$5.352.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 227 \text{ ngày} = 449.424.122đ$

$4.852.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 66 \text{ ngày} = 118.464.089đ$

$4.652.906.000đ \times 13.5\%/năm \times 87 \text{ ngày} = 149.721.592đ$

Tổng số tiền lãi là 1.146.855.116đ

Nay công ty A đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty B phải thanh toán tiền gốc là 4.652.906.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 1.146.855.116đ, tổng cộng tiền gốc và lãi là 5.799.761.116đ.

Thời hạn thanh toán, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc và lãi còn thiếu cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn – Công ty CP XD B, trụ sở tại địa chỉ 02 đường G, phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 của nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Tòa án xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa, do bị đơn không chịu thanh toán tiền còn thiếu theo điều khoản đã quy định tại hợp đồng, nên nguyên đơn khởi kiện. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật thương mại.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập ông Nguyễn An D là người đại diện theo pháp luật của công ty B tham gia phiên tòa 2 lần, lần thứ nhất 14 giờ 00 phút ngày 17/3/2020; lần thứ hai 14 giờ 00 phút ngày 16/4/2020, nhưng ông D đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải thanh toán 4.652.906.000đ là số tiền còn thiếu của của hợp đồng mua bán hàng hóa số 012009/SMC/HĐBT-17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B, Tòa án nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm bản sao:

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 012009/SMC/HĐBT-17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B;

Bảng kế hoạch trả nợ ngày 09/5/2019 của công ty B (công ty B xác nhận còn nợ công ty A nợ gốc tính đến ngày 09/5/2019 là 5.352.906.000đ).

Bản photo được Tòa án nhân dân quận Tân Bình đối chiếu gồm:

Các bản xác nhận khối lượng bê tông vào ngày 23/7/2018;

Các tờ hóa đơn giá trị gia tăng do công ty A xuất cho công ty B.

Theo biên bản hòa giải ngày 14/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, ông Nguyễn An D là đại diện ủy quyền của công ty công ty B xác nhận công ty B còn nợ công ty A số tiền 5.352.906.000đ theo hợp đồng kinh tế số

012009/SMC/HĐBT-17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B, nhưng do khó khăn nên đề nghị cho thanh toán dần từng đợt.

Quá trình giải quyết vụ án công ty A xác nhận công ty B đã thanh toán được 700.000.000đ, nay số tiền gốc còn lại là 4.652.906.000đ.

Khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ như sau: “Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”.

Do đó, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ nêu trên; lời thừa nhận của ông D - đại diện ủy quyền của công ty B tại phiên hòa giải ngày 14/11/2019; diễn biến tại phiên tòa, Tòa án nhận định, công ty B còn nợ công ty A số tiền gốc là 4.652.906.000đ như yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 24/09/2018 đến ngày 16/4/2020, theo lãi suất cơ bản của nhà nước quy định là 9%/năm x 150% là 13,5%/năm trên số tiền nợ gốc giảm dần qua từng kỳ trả nợ là 1.146.855.116đ, Tòa án xét thấy:

Điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Theo bảng cập nhật lãi suất tiền gửi tháng 04/2020 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì mức lãi suất là 11,1%/năm; Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam là 9,5%/năm; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 10,5%/năm. Như vậy, lãi suất bình quân là 10,36%/năm, lãi suất quá hạn: 15,55%/năm.

Căn cứ Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 012009/SMC/HĐBT – 17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B quy định: “Công ty B có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho công ty A trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày tổng hợp khối lượng, nếu công ty B chậm thanh toán thì sẽ phải thanh toán thêm cho công ty A khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng theo tài khoản của công ty A trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không quá 7 ngày”.

Theo bảng tổng hợp khối lượng sau cùng là ngày 23/7/2018. Ngày xuất hóa đơn sau cùng là ngày 31/7/2018, cộng 30 ngày làm việc thì ngày cuối cùng công ty B phải thanh toán là ngày 15/9/2018.

Việc thỏa thuận khoản phạt chậm trả nếu công ty B thanh toán chậm có thể hiểu là phạt vi phạm hợp đồng, nên thỏa thuận này áp dụng trong 7 ngày kể từ ngày chậm trả là ngày 15/9/2018. Từ ngày 15/9/2018 cộng 7 ngày phải trả lãi theo thỏa thuận là ngày 23/9/2018, nhưng bị đơn không tính lãi trong 7 ngày này mà chỉ tính lãi từ ngày 24/9/2018 trên số tiền tại thời điểm công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.652.906.000đ. Do đó, được hiểu là không có việc thỏa thuận về tiền

lãi phạt chậm trả giữa nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật chứ không tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng.

Xét, việc nguyên đơn không tính 7 ngày tiền lãi quá hạn theo hợp đồng và chỉ tính lãi 13,5%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn bình quân của ba ngân hàng là 15,55 % là có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật, nên chấp nhận.

Tiền lãi của bị đơn được tính giảm dần qua các đợt thanh toán như sau:

$6.452.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 64 \text{ ngày} = 152.748.241đ$

$6.252.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 49 \text{ ngày} = 113.323.214đ$

$6.052.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 15 \text{ ngày} = 33.581.191đ$

$5.652.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 61 \text{ ngày} = 127.538.852đ$

$5.552.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 01 \text{ ngày} = 2.053.815đ$

$5.352.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 227 \text{ ngày} = 449.424.122đ$

$4.852.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 66 \text{ ngày} = 118.464.089đ$

$4.652.906.000đ \times 13,5\%/năm \times 87 \text{ ngày} = 149.721.592đ$

Tổng số tiền lãi là 1.146.855.116đ

Như vậy công ty B phải thanh toán cho công ty A các khoản sau:

Tiền nợ gốc: 4.652.906.000đ.

Tiền lãi: 1.146.855.116đ

Tổng cộng: 5.799.761.116đ

Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, công ty B phải chịu án phí sơ thẩm là 113.799.762đ. Hoàn lại công ty A số tiền 56.995.855đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 8 Điều 3, Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Điều 6, 7, 7a, 7b, 9, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty CP SX TM A.

a. Công ty CP XD B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP SX TM A số tiền còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 012009/SMC/HĐBT-17 ngày 20/9/2017 giữa công ty A với công ty B là 4.652.906.000đ (bốn tỉ sáu trăm năm mươi hai triệu chín trăm lẻ sáu ngàn) tiền gốc và 1.146.855.116đ (một tỉ một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm mười sáu đồng) tiền lãi do chậm

thanh toán, tổng cộng 5.799.761.116đ (năm tỉ bảy trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn một trăm mười sáu đồng).

b. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty CP XD B phải chịu 113.799.762đ (một trăm mười ba triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng). Hoàn lại Công ty CP SX TM A 56.995.855đ (năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0038753 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án DS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang